

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		440.482.629.411	487.339.417.732
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	71.983.010.794	36.502.932.080
1.	Tiền	111		64.483.010.794	24.002.932.080
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	12.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		300.883.103.489	401.299.609.101
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	257.581.412.722	389.235.330.399
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.414.025.292	5.680.639.685
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	35.425.495.714	18.921.469.256
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.537.830.239)	(12.537.830.239)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	64.132.455.538	46.229.740.358
1.	Hàng tồn kho	141		64.132.455.538	46.229.740.358
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.484.059.590	3.307.136.193
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.816.375.890	3.195.455.026
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	111.681.167
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		667.683.700	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		990.927.982.387	1.030.656.254.140
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		3.335.000.000	3.331.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	235.000.000	231.000.000
II.	Tài sản cố định	220		639.882.409.166	674.489.739.198
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	639.047.299.022	673.566.518.235
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.931.273.301.047	1.931.273.301.047
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.292.226.002.025)	(1.257.706.782.812)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	835.110.144	923.220.963
	<i>Nguyên giá</i>	225		1.762.216.362	1.762.216.362
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(927.106.218)	(838.995.399)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		4.642.983.158	4.642.983.158
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4.642.983.158	4.642.983.158
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	301.473.200.000	301.473.200.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		145.022.400.000	145.022.400.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		156.450.800.000	156.450.800.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		41.594.390.063	46.719.331.784
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	41.594.390.063	46.719.331.784
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.431.410.611.798	1.517.995.671.872

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		776.695.105.555	853.756.365.111
I.	Nợ ngắn hạn	310		362.067.475.244	418.549.309.800
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	94.824.942.487	126.532.434.852
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		924.400.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.136.714.809	11.121.184.717
4.	Phải trả người lao động	314		3.571.143.851	4.372.944.350
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	84.359.387.910	44.316.718.697
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	6.012.578.015	30.199.940.377
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	164.238.046.322	197.245.332.034
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.000.261.850	4.760.754.773
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		414.627.630.311	435.207.055.311
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	23.700.000	23.700.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	414.603.930.311	435.183.355.311
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		654.715.506.243	664.239.306.761
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	654.715.506.243	664.239.306.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a	265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	203.020.614.134	203.020.614.134
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19a	26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	159.822.326.330	169.346.126.848
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.19a	157.262.124.942	169.346.126.848
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	V.19a	2.560.201.388	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.431.410.611.798	1.517.995.671.872

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Quốc Bảo

Vũ Quang Hiến

GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 01/2021	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 01/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	165.120.229.105	171.141.099.188	165.120.229.105	171.141.099.188
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		165.120.229.105	171.141.099.188	165.120.229.105	171.141.099.188
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	140.817.503.851	145.920.228.920	140.817.503.851	145.920.228.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.302.725.254	25.220.870.268	24.302.725.253	25.220.870.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	222.904.881	143.399.755	222.904.881	143.399.755
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.314.311.996	14.393.600.374	11.314.311.996	14.393.600.374
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.050.024.141	14.391.959.013	11.050.024.141	14.391.959.013
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.712.299.408	9.360.581.217	11.712.299.408	9.360.581.217
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22) - (25+26)}	30		1.499.018.731	1.610.088.432	1.499.018.730	1.610.088.432
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.117.165.010	1.695.377.614	1.117.165.010	1.695.377.614
12. Chi phí khác	32	VI.7	55.982.352	7.786.499	55.982.352	7.786.499
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.061.182.658	1.687.591.115	1.061.182.658	1.687.591.115
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.560.201.389	3.297.679.547	2.560.201.388	3.297.679.547
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	659.535.909	-	659.535.909
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.560.201.389	2.638.143.638	2.560.201.388	2.638.143.638
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Quốc Bảo



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021
Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phức

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.560.201.389	3.297.679.547
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.607.330.032,00	45.756.687.343,00
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.832.422.132)	-
- Chi phí lãi vay	06		11.050.024.141,00	14.391.959.013,00
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.217.555.562,00	63.446.325.903,00
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		100.524.186.779,00	42.472.163.188,00
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.902.715.180,00)	(6.013.804.745,00)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		416.123.094,00	(22.390.642.232,00)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.504.020.857,00	(1.628.675.773,00)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.997.886.856,00)	(30.013.508.935,00)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10.850.000.000,00)	(5.666.965.924,00)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
			(11.844.494.830,00)	(4.401.993.798,00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.066.789.426,00	35.802.897.684,00
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 năm 2021	Quý 01 năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		36.611.632.084,00	65.525.456.245,00
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(90.198.342.796,00)	(89.150.533.615,00)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.987.825.000)
7. Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	37		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53.586.710.712,00)	(32.612.902.370,00)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		35.480.078.714,00	3.189.995.314,00
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36.502.932.080,00	33.444.057.746,00
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		71.983.010.794,00	36.634.053.060,00

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 13 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Công ty liên kết này đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án cảng Đức Long tại xã Châu Phong và xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án 243.269.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 280 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tiền mặt	37.334.603	30.074.368
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.445.676.191	23.972.857.712
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	7.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	71.983.010.794	36.502.932.080

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	145.022.400.000	-	145.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	156.450.800.000	-	156.450.800.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ^(iv)	156.450.800.000	-	156.450.800.000	-
Cộng	301.473.200.000	-	301.473.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 5.100.000 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng, không thay đổi so với số đầu năm.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.000.000 cổ phần, tương đương 60,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang, không thay đổi so với số đầu năm.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 6.402.240 cổ phần, tương đương 54,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc, không thay đổi so với số đầu năm.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 5.046.800 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, giá trị ghi sổ là 156.450.800.000 VND (31.000 VND/cổ phần) tương đương 40,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Phải thu các bên liên quan	74.470.861.438	125.870.807.427
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	33.626.380.943	77.804.773.327
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	5.340.391.958	12.278.433.947
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	312.100.000	312.100.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	19.000.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	2.278.750.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	115.500.000	92.400.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	11.340.663.777	17.573.561.893
Công Ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	1.969.000.000	821.463.500
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	488.074.760	488.074.760
Phải thu các khách hàng khác	183.110.551.284	263.364.522.972
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	32.913.784.789	39.832.688.394
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	13.986.374.678	21.165.016.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	40.876.842.877	70.902.965.492
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	95.333.548.940	102.500.682.861
Cộng	257.581.412.722	389.235.330.399

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (công ty con) về phí cung cấp dịch vụ kéo tàu.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	20.414.025.292	5.680.639.685
Tổng Công Ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	4.934.397.296	3.967.181.680
Bumi Armada Navigation Labuan Limited	9.268.000.000	-
Công ty CP Hàng Hải Sao Biển	712.800.000	-
KONGSBERG MAITIME BENELUX BV	917.264.797	-
Các nhà cung cấp khác	4.581.563.199	1.713.458.005
Cộng	20.414.025.292	5.680.639.685

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	14.517.411.259	-	14.686.319.699	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	5.762.016.000	-	5.762.016.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	8.755.395.259	-	8.924.303.699	-
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>7.650.000.000</i>	-	<i>7.650.000.000</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.105.395.259</i>	-	<i>1.274.303.699</i>	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	20.908.084.455	-	4.235.149.557	-
Các khoản ký quỹ	645.237.300	-	655.517.300	-
Tạm ứng	5.526.174.889	-	3.063.742.870	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	-	-	180.500.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	-	-	15.077.808	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.736.672.266	-	320.311.579	-
Cộng	35.425.495.714	-	18.921.469.256	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/03/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)	2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	1 - < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)	1 - < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte Ltd	6 tháng < 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)	6 tháng < 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)
Cộng		28.386.533.693	(12.537.830.239)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tại ngày 01/01/2021	12.537.830.239	12.537.830.239
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Tại ngày 31/03/2021	12.537.830.239	12.537.830.239

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí bảo hiểm	2.816.375.890	3.195.455.026
Cộng	2.816.375.890	3.195.455.026

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.439.595.255	5.149.464.231
Chi phí sửa chữa tàu	33.966.299.921	38.055.318.521
Chi phí đăng kiểm	44.232.180	95.129.280
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.533.447.057	1.718.100.336
Chi phí sửa chữa khác	1.610.815.650	1.701.319.416
Cộng	41.594.390.063	46.719.331.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	416.008.714.510	988.560.879.041	514.639.464.772	10.866.022.469	1.198.220.255	1.931.273.301.047
Tại ngày 31/03/2021	416.008.714.510	988.560.879.041	514.639.464.772	10.866.022.469	1.198.220.255	1.931.273.301.047
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	265.725.984.289	3.559.487.520	10.387.961.559	59.590.909	279.603.399.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2021	374.193.959.299	634.108.923.892	237.828.309.164	10.593.888.495	981.701.962	1.257.706.782.812
Khấu hao trong năm	-	20.374.605.321	14.058.007.534	29.460.246	57.146.112	34.519.219.213
Tại ngày 31/03/2021	374.193.959.299	654.483.529.213	251.886.316.698	10.623.348.741	1.038.848.074	1.292.226.002.025
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	41.814.755.211	354.451.955.149	276.811.155.608	272.133.974	216.518.293	673.566.518.235
Tại ngày 31/03/2021	41.814.755.211	334.077.349.828	262.753.148.074	242.673.728	159.372.181	639.047.299.022
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2021	1.762.216.362	(838.995.399)	923.220.963
Khấu hao trong năm	-	(88.110.819)	(88.110.819)
Tại ngày 31/03/2021	1.762.216.362	(927.106.218)	835.110.144

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2021	448.600.000	(448.600.000)	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2021	448.600.000	(448.600.000)	-

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	448.600.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2021	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	4.642.983.158	-	-	4.642.983.158
<i>Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang</i>	542.740.734	-	-	542.740.734
<i>Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng</i>	3.013.636.364	-	-	3.013.636.364
<i>Công trình khác</i>	1.086.606.060	-	-	1.086.606.060
Cộng	4.642.983.158	-	-	4.642.983.158

(*) Các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước trong tháng 4 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.542.494.804</i>	<i>22.588.888.740</i>
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	-	624.348.648
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.362.787.253	2.291.578.753
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	7.866.005.650	8.098.002.300
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	2.970.000.000	4.851.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa	2.860.337.041	3.943.571.340
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	70.870.000	193.470.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	410.275.500	2.584.698.339
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.219.360	2.219.360
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>78.282.447.683</i>	<i>103.943.546.112</i>
Công ty Cổ phần Tàu dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	12.227.355.921
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	5.008.462.392	7.217.756.244
Aussie Offshore Services Limited	13.744.973.998	13.744.973.998
Đình Văn Học	-	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	47.301.655.372	60.753.459.949
Cộng	<u>94.824.942.487</u>	<u>126.532.434.852</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.964.988.721	1.824.593.721	2.140.395.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.852.953.414	1.852.953.414	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	91.737.474	91.737.474	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.182.316.300	-	10.182.316.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	395.014.040	2.666.614.496	2.450.940.706	610.687.830
Thuế môi trường	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	543.854.377	106.584.599	264.806.997	385.631.979
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	11.121.184.717	8.685.878.704	16.670.348.612	3.136.714.809

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	11.406.041.266	11.505.748.913
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	2.465.409.266	2.565.116.913
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	72.953.346.644	32.810.969.784
Lãi vay phải trả	3.305.237.880	17.153.392.948
Chi phí thuê tàu phải trả	33.985.831.594	10.172.540.011
Chi phí nhiên liệu phải trả	25.423.475.383	852.327.128
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.238.801.786	4.632.709.697
Cộng	84.359.387.910	44.316.718.697

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.068.537.730	24.319.212.754
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	21.654.608.072
Cổ tức phải trả	-	21.503.160.000
Các khoản phải trả khác	-	151.448.072
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí dịch vụ	-	5.000.040
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.068.537.730	2.659.604.642
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.944.040.285	5.880.727.623
Kinh phí công đoàn	61.691.680	160.215.313
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	156.648.605	2.318.370
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.725.700.000	5.565.699.000
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	152.494.940
Cộng	6.012.578.015	30.199.940.377

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Vay ngắn hạn Ngân hàng	111.540.414.920	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	41.009.601.400	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	-	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	70.530.813.520	60.279.148.529
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	52.537.800.000	70.050.400.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	159.831.402	258.630.420
Cộng	164.238.046.322	197.245.332.034

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2143/2038/N/CTD ngày 16/11/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền hưởng bảo hiểm phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine); cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND; thế chấp Cầu RTG 6 + 1.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tàu TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; 03 cầu Kock.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hợp đồng tín dụng ngày 30/09/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 02 cầu bờ Container hiệu Kocks.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	36.494.545.000	36.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	36.494.545.000	36.494.545.000
Vay dài hạn ngân hàng	220.834.900.000	220.834.900.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	35.620.900.000	35.620.900.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	185.214.000.000	185.214.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác ^(iv)	157.100.000.000	177.679.425.000
Nợ thuê tài chính ^(v)	174.485.311	174.485.311
Cộng	414.603.930.311	435.183.355.311

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng trong năm 2017 và 2018, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động vào kinh doanh, thời gian vay 24 tháng, lãi suất trong năm 2020 là 8%/năm, thời hạn trả nợ được điều chỉnh gia hạn lần lượt đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 và đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với từng hợp đồng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 8,1% đến 9,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 7,7% đến 9,3% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.
- (iv) Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư mua tàu, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất từ 9 đến 25%/năm tùy từng loại hình đầu tư.
- (v) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký kết năm 2018. Tài sản thuê là các phương tiện vận tải (xe ô tô) với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê từ 36 tháng đến 48 tháng, tùy từng hợp đồng.
Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2021	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tại ngày 31/03/2021
Quỹ khen thưởng	2.585.046.662	12.084.001.906	(9.955.605.940)	4.713.442.628
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.175.708.111	-	(1.888.888.889)	286.819.222
Cộng	4.760.754.773	12.084.001.906	(11.844.494.829)	5.000.261.850

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2020	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	26.872.565.779	620.446.748.183
Lợi nhuận trong năm	-	-	120.840.019.068	-	120.840.019.068
Chia cổ tức	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Trích lập các quỹ	-	35.772.134.421	(50.080.988.190)	-	(14.308.853.769)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	-	(1.788.606.721)	-	(1.788.606.721)
Tại ngày 31/12/2020	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2021	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.560.201.388	-	2.560.201.388
Trích lập các quỹ	-	-	(12.084.001.906)	-	(12.084.001.906)
Tại ngày 31/03/2021	265.000.000.000	203.020.614.134	159.822.326.330	26.872.565.779	654.715.506.243

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.500.000	26.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 01/2021</u>	<u>Quý 01/2020</u>
Doanh thu dịch vụ tàu	107.996.420.245	122.807.388.589
Doanh thu khai thác cảng	46.109.766.708	47.356.310.599
Doanh thu dịch vụ khác	11.014.042.152	977.400.000
Cộng	<u>165.120.229.105</u>	<u>171.141.099.188</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 01/2021</u>	<u>Quý 01/2020</u>
Giá vốn dịch vụ thuê tàu	112.798.772.465	105.658.128.727
Giá vốn khai thác cảng	22.808.448.167	39.572.100.193
Doanh thu dịch vụ khác	5.210.283.219	690.000.000
Cộng	<u>140.817.503.851</u>	<u>145.920.228.920</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 01/2021</u>	<u>Quý 01/2020</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	94.645.650	94.645.650
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	128.259.231	48.754.105
Cộng	<u>222.904.881</u>	<u>143.399.755</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 01/2021</u>	<u>Quý 01/2020</u>
Chi phí lãi vay	11.050.024.141	14.391.959.013
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	264.287.855	1.641.361
Cộng	<u>11.314.311.996</u>	<u>14.393.600.374</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 01/2021</u>	<u>Quý 01/2020</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.597.048.225	6.411.170.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.092.682	46.773.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.304.431	332.699.512
Thuế, phí và lệ phí	57.668.421	12.012.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.329.687.635	1.460.736.940
Chi phí bằng tiền khác	2.296.498.014	1.097.188.698
Cộng	<u>11.712.299.408</u>	<u>9.360.581.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Thu nhập khác	1.117.165.010	1.695.377.614
Cộng	1.117.165.010	1.695.377.614

7. Chi phí khác

	Quý 01/2021	Quý 01/2020
Chi phí khác	55.982.352	7.786.499
Cộng	55.982.352	7.786.499

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

